DBI202

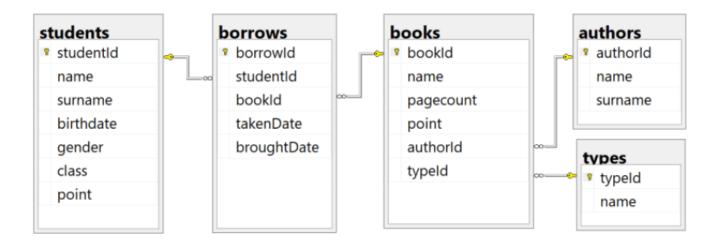
SQL exercise:

Create one database and then write SQL statements to create, in this database, all tables derived from the ERD given in the following picture with appropriate attributes, primary keys and foreign keys. NOTE that when creating the SQL commands as request, you MUST keep the name of tables, relationship, attributes and data type of attributes as SAME as given in the given ERD.

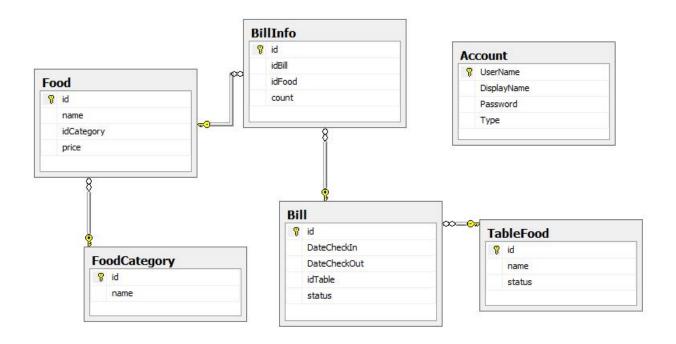
Attributes with underline belong to the Primary Key of each entity Attributes which reference to the primary key of another table must have the same name as the attributes in the primary key of the referencing table.

When submitting the responses for this question, submit only SQL statements for creating tables with corresponding keys and foreign keys. Do not use "create database", "Alter database", "use database name" or any statements using database's name in your submission.

Question 1:



Question 2:



CREATE DATABASE CoffeeShop GO

USE CoffeeShop GO

GO

```
-- DANH SACH CAC BANG
```

-- Food : chứa các món ăn -- TableFood : chứa các bàn ăn

```
-- FoodCategory: chứa loại món ăn
-- Account: chứa thông tin tài khoản
-- Bill: chứa hóa đơn
-- BillInfo: chứa thông tin chi tiết một hóa đơn

CREATE TABLE TableFood
(
id INT IDENTITY PRIMARY KEY,
name NVARCHAR(100) NOT NULL DEFAULT N'Bàn chưa có tên',
status NVARCHAR (100) NOT NULL DEFAULT N'Trống' -- Trống || Có người
)
GO

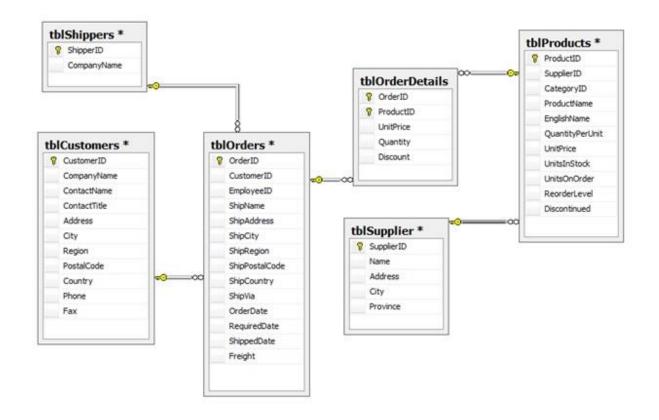
CREATE TABLE Account
(
```

UserName NVARCHAR (100) PRIMARY KEY, DisplayName NVARCHAR (100) NOT NULL,

Password NVARCHAR (1000) NOT NULL DEFAULT 0, Type INT NOT NULL DEFAULT 0 -- 1: admin || 0 : staff

```
CREATE TABLE FoodCategory
      id INT IDENTITY PRIMARY KEY,
      name NVARCHAR(100) NOT NULL DEFAULT N'Chưa đặt tên'
GO
CREATE TABLE Food
      id INT IDENTITY PRIMARY KEY,
      name NVARCHAR(100) NOT NULL DEFAULT N'Chwa đặt tên',
      idCategory INT NOT NULL,
      price FLOAT NOT NULL DEFAULT 0
      FOREIGN KEY (idCategory) REFERENCES dbo.FoodCategory(id)
GO
CREATE TABLE BIII
      id INT IDENTITY PRIMARY KEY,
      DateCheckIn DATE NOT NULL DEFAULT GETDATE(),
      DateCheckOut DATE,
      idTable INT NOT NULL.
      status INT NOT NULL DEFAULT 0 -- 1 : đã thanh toán | 0 : chưa thanh toán
      FOREIGN KEY (idTable) REFERENCES dbo.TableFood(id)
GO
CREATE TABLE BillInfo
      id INT IDENTITY PRIMARY KEY,
      idBill INT NOT NULL,
      idFood INT NOT NULL,
      count INT NOT NULL DEFAULT 0
      FOREIGN KEY (idBill) REFERENCES dbo.Bill(id),
      FOREIGN KEY (idFood) REFERENCES dbo.Food(id)
ĠO
```

Question 3:



create database Orders

go

use orders

go

-- Create Table tblCustomers

Print 'Create Table tblCustomers'

GO

Use Orders

Go

CREATE TABLE [dbo].[tblCustomers] (

[CustomerID] nvarchar(5) NULL,

[CompanyName] nvarchar(40) NOT NULL,

[ContactName] nvarchar(30) NULL,

[ContactTitle] nvarchar(30) NULL,

[Address] nvarchar(60) NULL,

[City] nvarchar(15) NULL,

[Region] nvarchar(15) NULL,

[PostalCode] nvarchar(10) NULL,

[Country] nvarchar(15) NULL,

[Phone] nvarchar(24) NULL,

[Fax] nvarchar(24) NULL

```
)
ON [PRIMARY]
GO
-- Create Table tblOrderDetails
Print 'Create Table tblOrderDetails'
GO
CREATE TABLE [dbo].[tblOrderDetails] (
           [OrderID]
                        int NULL,
           [ProductID]
                        int NULL,
                        money NOT NULL,
           [UnitPrice]
           [Quantity]
                        smallint NOT NULL,
           [Discount]
                        real NOT NULL
)
ON [PRIMARY]
GO
-- Create Table tblOrders
Print 'Create Table tblOrders'
GO
CREATE TABLE [dbo].[tblOrders] (
           [OrderID]
                          int NULL,
           [CustomerID]
                            nvarchar(5) NOT NULL,
           [EmployeeID]
                             int NULL,
           [ShipName]
                            nvarchar(40) NULL,
           [ShipAddress]
                            nvarchar(60) NULL,
           [ShipCity]
                          nvarchar(15) NULL,
           [ShipRegion]
                            nvarchar(15) NULL,
           [ShipPostalCode]
                             nvarchar(10) NULL,
           [ShipCountry]
                            nvarchar(15) NULL,
           [ShipVia]
                          int NULL,
           [OrderDate]
                           smalldatetime NULL,
           [RequiredDate]
                             smalldatetime NULL,
           [ShippedDate]
                            smalldatetime NULL,
           [Freight]
                         money NULL
ON [PRIMARY]
GO
```

```
-- Create Table tblProducts
Print 'Create Table tblProducts'
GO
CREATE TABLE [dbo].[tblProducts] (
                            int NOT NULL,
           [ProductID]
                            int NULL,
           [SupplierID]
           [CategoryID]
                             int NULL,
           [ProductName]
                              nvarchar(40) NOT NULL,
           [EnglishName]
                              nvarchar(40) NULL,
           [QuantityPerUnit]
                              nvarchar(20) NULL,
                           money NULL,
           [UnitPrice]
           [UnitsInStock]
                             smallint NULL,
           [UnitsOnOrder]
                              smallint NULL,
           [ReorderLevel]
                             smallint NULL,
           [Discontinued]
                             bit NOT NULL
)
ON [PRIMARY]
GO
-- Create Table tblShippers
Print 'Create Table tblShippers'
GO
CREATE TABLE [dbo].[tblShippers] (
           [ShipperID]
                          int NOT NULL,
           [CompanyName] nvarchar(40) NOT NULL
ON [PRIMARY]
GO
-- Create Table tblSupplier
Print 'Create Table tblSupplier'
GO
CREATE TABLE [dbo].[tblSupplier] (
                         int NOT NULL,
           [SupplierID]
           [Name]
                        nvarchar(50) NULL,
           [Address]
                        nvarchar(50) NULL,
                      nvarchar(50) NULL,
           [City]
           [Province]
                        nvarchar(50) NULL
)
```

ON [PRIMARY] GO

Question 4:

```
go
use QL ChuyenBay
-- Tạo bảng KHACHHANG
create table KHACHHANG
MAKH nvarchar(15),
TEN nvarchar(15),
 DCHI nvarchar(50),
 DTHOAI nvarchar(12),
primary key (MAKH)
-- Tạo bảng NHANVIEN
create table NHANVIEN
MANV nvarchar(15),
TEN nvarchar(15),
 DCHI nvarchar(50),
 DTHOAI nvarchar(12),
 LUONG float,
LOAINV bit,
primary key (MANV)
 - Tạo bảng LOAIMB
```

```
create table LOAIMB
MALOAI nvarchar(15),
HANGSX nvarchar(15),
primary key (MALOAI)
-- Tạo bảng MAYBAY
create table MAYBAY
SOHIEU int,
MALOAI nvarchar(15),
primary key (SOHIEU, MALOAI)
-- Tạo bảng chuyến bay
create table CHUYENBAY
MACB nvarchar(4),
SBDI nvarchar(3),
SBDEN nvarchar(3),
 GIODI time,
GIODEN time,
primary key (MACB)
```

```
-- Tạo bảng LICHBAY
create table LICHBAY
NGAYDI datetime,
MACB nvarchar(4),
SOHIEU int,
MALOAI nvarchar(15),
primary key (NGAYDI, MACB)
-- Tạo bảng DATCHO
create table DATCHO
MAKH nvarchar(15),
NGAYDI datetime,
MACB nvarchar(4),
primary key(MAKH, NGAYDI, MACB)
-- Tạo bảng KHANANG
create table KHANANG
MANV nvarchar(15),
MALOAI nvarchar(15),
primary key (MANV, MALOAI)
```

```
-- Tạo bảng PHANCONG
create table PHANCONG
MANV nvarchar(15),
NGAYDI datetime,
MACB nvarchar(4),
primary key (MANV, NGAYDI, MACB)
-- Tạo khóa ngoại cho bảng MAYBAY tham chiếu khóa chính của các
table khác
-- tham chiếu đến table LOAIMB
alter table MAYBAY
 add constraint THUOC
foreign key(MALOAI)
 references LOAIMB (MALOAI)
-- Tạo khóa ngoại cho bảng LICHBAY tham chiếu đến khóa chính của các
table khác
 -- Tham chiếu MACB của table CHUYENBAY
 alter table LICHBAY
 add constraint BAY
 foreign key (MACB)
 references CHUYENBAY (MACB)
```

```
-- Tham chiếu SOHIEU, MALOAI của table MAYBAY
alter table LICHBAY
add constraint DINHDANH
foreign key(SOHIEU, MALOAI)
references MAYBAY (SOHIEU, MALOAI)
-- Tạo khóa ngoại cho table DATCHO tham chiếu đến khóa chính của các
table khác
 -- Tham chiếu MAKH của table KHACHHANG
alter table DATCHO
add constraint DOITUONG
 foreign key (MAKH)
references KHACHHANG (MAKH)
 -- Tham chiếu NGAYDI VÀ MACB của table LICHBAY
alter table DATCHO
add constraint PHUONGTIEN1
 foreign key (NGAYDI, MACB)
 references LICHBAY (NGAYDI, MACB)
-- Tạo khóa ngoại cho tablr KHANANG
-- Tham chiếu MANV của table NHANVIEN
alter table KHANANG
add constraint PHUCVU
foreign key (MANV)
references NHANVIEN(MANV)
 -- Tham chiếu MALOAI của table LOAIMB
```

```
alter table KHANANG
add constraint T
foreign key (MALOAI)
references LOAIMB (MALOAI)
-- Tạo khóa ngoại cho table PHANCONG
-- Tham chiếu MANV đến table NHANVIEN
alter table PHANCONG
add constraint NV
foreign key (MANV)
references NHANVIEN (MANV)
-- Tham chiếu NGAYDI và MACB đến table LICHBAY
alter table PHANCONG
add constraint NV2
foreign key( NGAYDI, MACB)
references LICHBAY (NGAYDI, MACB)
-- Nhập dữ liệu cho tablE KHACHHANG
insert into KHACHHANG values ('0009', 'Nga', '223 Nguyen Trai',
'8932220')
insert into KHACHHANG values ('0101', 'Anh', '567 Tran Phu',
insert into KHACHHANG values ('0045', 'Thu', '285 Le Loi',
insert into KHACHHANG values ('0012', 'Ha', '435 Quang Trung',
'8933232')
insert into KHACHHANG values ('0238', 'Hung', '456 Pasteur',
'9812101')
```

```
insert into KHACHHANG values ('0397', 'Thanh', '234 Le Van Sy',
'8952943')
insert into KHACHHANG values ('0582', 'Mai', '789 Nguyen Du',
insert into KHACHHANG values ('0934', 'Minh', '678 Le Lai', null)
insert into KHACHHANG values ('0091', 'Hai', '345 Hung Vuong',
'8893223')
insert into KHACHHANG values ('0314', 'Phuong', '385 Vo Van Tuan',
'8232320')
insert into KHACHHANG values ('0613', 'Vu', '348 CMT8', '8343232')
insert into KHACHHANG values ('0586', 'Son', '123 Bach Dang',
'8556223')
insert into KHACHHANG values ('0422', 'Tien', '75 Nguyen Thong',
'8332222')
--Nhập dữ liệu cho table CHUYENBAY
insert into CHUYENBAY values ('100', 'SLC', 'BOS', '08:00','17:59'
insert into CHUYENBAY values ('112', 'DCA', 'DEN', '14:00', '18:07'
insert into CHUYENBAY values ('121', 'STL', 'SLC', '07:00', '9:13')
insert into CHUYENBAY values ('122', 'STL', 'YYV', '08:30','10:19'
insert into CHUYENBAY values ('206', 'DFW', 'STL', '09:00', '11:40'
insert into CHUYENBAY values ('330', 'JFK', 'YYV', '16:00','18:53'
insert into CHUYENBAY values ('334', 'ORD', 'MIA', '12:00','14:14'
insert into CHUYENBAY values ('335', 'MIA', 'ORD', '15:00','17:14'
```

```
insert into CHUYENBAY values ('336', 'ORD', 'MIA', '18:00','20:14'
insert into CHUYENBAY values ('337', 'MIA', 'ORD', '20:30','23:53'
insert into CHUYENBAY values ('394', 'DFW', 'MIA', '19:00', '21:30'
insert into CHUYENBAY values ('395', 'MIA', 'DFW', '21:00', '23:43'
insert into CHUYENBAY values ('449', 'CDG', 'DEN', '10:00','19:29'
insert into CHUYENBAY values ('930', 'YYYV', 'DCA', '13:00', '16:10'
insert into CHUYENBAY values ('931', 'DCA', 'YYV', '17:00','18:10'
insert into CHUYENBAY values ('932', 'DCA', 'YYV', '18:00','19:10'
insert into CHUYENBAY values ('991', 'BOS', 'ORD', '17:00', '18:22'
-- Nhâp dữ liêu cho table LOAIMB
insert into LOAIMB values ('A310','Airbus')
insert into LOAIMB values ('A320', 'Airbus')
insert into LOAIMB values ('A330', 'Airbus')
insert into LOAIMB values ('A340', 'Airbus')
insert into LOAIMB values ('B727', 'Boeing')
insert into LOAIMB values ('B747', 'Boeing')
insert into LOAIMB values ('B757', 'Boeing')
insert into LOAIMB values ('DC10', 'MD')
insert into LOAIMB values ('DC9', 'MD')
```

```
-- Nhập dữ liệu cho table NHANVIEN
insert into NHANVIEN values ('1006', 'Chi', '12/6 Nguyen Kiem',
'8120022', 150000, 0)
insert into NHANVIEN values ('1005', 'Giao', '65 Nguyen Thai Son',
'8324467', 500000, 0)
insert into NHANVIEN values ('1001', 'Huong', '8 Dien Bien Phu',
'8330733', 500000, 1)
insert into NHANVIEN values ('1002', 'Phong', '1 Ly Thuong Kiet',
'8308117', 150000, 1)
insert into NHANVIEN values ('1004', 'Phuong', '351 Lac Long Quan',
'8308155', 250000, 0)
insert into NHANVIEN values ('1003', 'Quang', '78 Truong Dinh',
'8324461', 350000, 1)
insert into NHANVIEN values ('1007', 'Tam', '36 Nguyen Van Cu',
'8458188', 500000, 0)
-- Nhập dữ liệu cho table KHANANG
insert into KHANANG values ('1001', 'B727')
insert into KHANANG values ('1001', 'B747')
insert into KHANANG values ('1001', 'DC10')
insert into KHANANG values ('1001', 'DC9')
insert into KHANANG values ('1002', 'A320')
insert into KHANANG values ('1002', 'A340')
insert into KHANANG values ('1002', 'B757')
insert into KHANANG values ('1002', 'DC9')
insert into KHANANG values ('1003', 'A310')
```

```
insert into KHANANG values ('1003', 'DC9')
-- Nhập dữ liệu cho table MAYBAY
insert into MAYBAY VALUES (10, 'B747')
insert into MAYBAY VALUES (11, 'B727')
insert into MAYBAY VALUES (13, 'B727')
insert into MAYBAY VALUES (13, 'B747')
insert into MAYBAY VALUES (21, 'DC10')
insert into MAYBAY VALUES (21, 'DC9')
insert into MAYBAY VALUES (22, 'B757')
insert into MAYBAY VALUES (22, 'DC9')
insert into MAYBAY VALUES (23, 'DC9')
insert into MAYBAY VALUES (24, 'DC9')
insert into MAYBAY VALUES (70, 'A310')
insert into MAYBAY VALUES (80, 'A310')
insert into MAYBAY VALUES (93, 'B757')
-- Nhập dữ liệu cho table LICHBAY
insert into LICHBAY values ('11/01/2000', '100', 80, 'A310')
insert into LICHBAY values ('11/01/2000', '112', 21, 'DC10')
insert into LICHBAY values ('11/01/2000', '206', 22, 'DC9')
insert into LICHBAY values ('11/01/2000', '334', 10, 'B747')
insert into LICHBAY values ('11/01/2000', '395', 23, 'DC9')
```

```
insert into LICHBAY values ('11/01/2000', '991', 22, 'B757')
insert into LICHBAY values ('11/01/2000', '337', 10, 'B747')
insert into LICHBAY values ('10/31/2000', '100', 11, 'B727')
insert into LICHBAY values ('10/31/2000', '112', 11, 'B727')
insert into LICHBAY values ('10/31/2000', '206', 13, 'B727')
insert into LICHBAY values ('10/31/2000', '334', 10, 'B747')
insert into LICHBAY values ('10/31/2000', '335', 10, 'B747')
insert into LICHBAY values ('10/31/2000', '337', 24, 'DC9')
insert into LICHBAY values ('10/31/2000', '449', 70, 'A310')
```

-- Nhập dữ liệu cho table DATCHO

```
insert into DATCHO values ('0009', '11/01/2000', 100) insert into DATCHO values ('0009', '10/31/2000', 449) insert into DATCHO values ('0045', '11/01/2000', 991) insert into DATCHO values ('0012', '10/31/2000', 206) insert into DATCHO values ('0238', '10/31/2000', 334) insert into DATCHO values ('0582', '11/01/2000', 991) insert into DATCHO values ('0091', '11/01/2000', 100) insert into DATCHO values ('0314', '10/31/2000', 449) insert into DATCHO values ('0613', '11/01/2000', 100) insert into DATCHO values ('0586', '11/01/2000', 991) insert into DATCHO values ('0586', '10/31/2000', 100) insert into DATCHO values ('0586', '10/31/2000', 100) insert into DATCHO values ('0422', '10/31/2000', 449)
```

```
-- Nhập dữ liệu cho table PHANCONG
insert into PHANCONG values ('1001', '11/01/2000', '100')
insert into PHANCONG values ('1001', '10/31/2000', '100')
insert into PHANCONG values ('1002', '11/01/2000', '100')
insert into PHANCONG values ('1002', '10/31/2000', '100')
                     values ('1003', '10/31/2000', '100')
insert into PHANCONG
                     values ('1003', '10/31/2000', '337')
insert into PHANCONG
                     values ('1004', '10/31/2000', '100')
insert into PHANCONG
insert into PHANCONG values ('1004', '10/31/2000', '337')
insert into PHANCONG values ('1005', '10/31/2000', '337')
insert into PHANCONG values ('1006', '11/01/2000', '991')
                     values ('1006', '10/31/2000', '337')
insert into PHANCONG
insert into PHANCONG values ('1007', '11/01/2000', '112')
insert into PHANCONG values ('1007', '11/01/2000', '991')
insert into PHANCONG values ('1007', '10/31/2000', '206')
```

```
-- 1, Cho biết mã số tên phi công, địa chỉ, điện thoại của các phi công đã từng lái máy bay 747

select NV.MANV,NV.TEN, NV.DCHI, NV.DTHOAI

FROM NHANVIEN NV, LICHBAY LB, PHANCONG PC

where LB.MALOAI = 'B747' and PC.MACB = LB.MACB AND PC.NGAYDI =
LB.NGAYDI and PC.MANV = NV.MANV and NV.LOAINV = 1

-- 2, Cho biết mã số và ngày đi của các chuyển bay xuất phát từ sân bay DCA trong khoảng thời gian từ 14h - 18h

select CB.MACB, LB.NGAYDI
```

```
from CHUYENBAY CB, LICHBAY LB
where (SBDI = 'DCA' and (GIODI between '14:00' and '18:00') and (
CB.MACB = LB.MACB)
-- 3, Cho biết những nhân viên được phân công trên chuyến bay có mã
số 100 xuất phát tại sân bay SLC. các dòng chữ xuất ra không được
phép
-- trùng lắp
 select DISTINCT NV.TEN
 from CHUYENBAY CB, NHANVIEN NV, PHANCONG PC, LICHBAY LB
where ((CB.MACB = '100') and (SBDI = 'SLC') and PC.MACB = CB.MACB
AND LB.MACB = CB.MACB and PC.NGAYDI = LB.NGAYDI AND NV.MANV =
PC.MANV)
-- 4, Cho biết mã loại và số hiệu máy bay đã từng xuất phát tại sân
bay MIA. các dòng chữ xuất ra không được trùng lắp
select DISTINCT MALOAI, SOHIEU
FROM LICHBAY LB, CHUYENBAY CB
where ((CB.SBDI = 'MIA') and (LB.MACB = CB.MACB))
-- 5, Cho biết mã chuyển bay, ngày đi, cùng với tên, địa chỉ, điện
thoại, của tất cả các hành khách đi trên chuyến bay đó, sắp xếp theo
thír
-- tự tăng dần của mã chuyến bay và giảm dần theo ngày đi
 select DISTINCT LB.MACB, LB.NGAYDI, TEN, DCHI, DTHOAI
from LICHBAY LB, KHACHHANG KH, DATCHO DT, CHUYENBAY CB
```

```
where (DT.MAKH = KH.MAKH and DT.MACB = LB.MACB and LB.NGAYDI =
DT.NGAYDI and CB.MACB = LB.MACB)
order by LB.MACB ASC, LB.NGAYDI DESC
 --6, Cho biết mã chuyển bay, ngày đi, mã số và tên, địa chỉ điện
thoại của tất cả những nhân viên được phân công trên chuyển bay đó.
 --tự tăng dần của mã chuyến bay và giảm dần theo ngày đi
 select MACB, NGAYDI, NV.MANV, NV.TEN, DCHI, DTHOAI
 FROM NHANVIEN NV, PHANCONG PC
 WHERE NV.MANV = PC.MANV
 order by PC.MACB ASC, PC.NGAYDI DESC
 -- 7, Cho biết mã chuyển bay, ngày đi, mã số và tên của những phi
công được phân vào chuyến bay hạ cánh xuống sân bay ORĐ
 select CB.MACB, LB.NGAYDI, NV.MANV, TEN
 from CHUYENBAY CB, NHANVIEN NV, PHANCONG PC, LICHBAY LB
where (CB.MACB = PC.MACB and PC.NGAYDI = LB.NGAYDI and NV.MANV =
PC.MANV and CB.SBDEN = 'ORD' and LB.MACB = CB.MACB)
-- 8, Cho biết các chuyển bay (mã số chuyển bay, ngày đi và tên của
phi công) trong đó phi công có mã số 1001 được phân công lái.
select PC.MACB, NGAYDI, TEN
 from NHANVIEN NV, PHANCONG PC
 where (NV.MANV = '1001' and NV.MANV = PC.MANV)
```

```
-- 9, Cho biết thông tin (mã chuyến bay, sân bay đi, giờ đi, giờ
đến, ngày đi) của những chuyển bay hạ cánh xuống DEN. Các chuyển bay
đươc
 -- liệt kê theo ngày giảm dần, và sân bay xuất phát tăng dần
 select CB.MACB, SBDI, GIODI, GIODEN, NGAYDI
 from CHUYENBAY CB, LICHBAY LB
 where (CB.SBDEN = 'DEN' and CB.MACB = LB.MACB )
 order by NGAYDI DESC, SBDI ASC
-- 10, Với mỗi phi công, cho biết hãng sản xuất và mã loại máy bay
mà phi công này có khả năng lái. Xuất tên phi công, hãng sản xuất và
MALOAI
 select TEN, HANGSX, LMB.MALOAI
 from KHANANG KN, NHANVIEN NV, LOAIMB LMB
 where ( NV.MANV = KN.MANV and KN.MALOAI = LMB.MALOAI)
 -- 11, Cho biết mã phi công, tên phi công đã lái máy bay trong
chuyến bay mã số 100, và ngày 11/1/2000
select NV.MANV, TEN
 from NHANVIEN NV, PHANCONG PC, LICHBAY LB
 where (LB.MACB = '100' and LB.NGAYDI = '11/01/2000' AND LB.MACB =
PC.MACB AND NV.MANV = PC.MANV AND PC.NGAYDI = LB.NGAYDI)
 --12, Cho biết mã chuyến bay, mã nhân viên, tên nhân viên được phân
công vào chuyển bay xuất phát ngày 10/31/2000. tại sân bay MIA vào
 -- lúc 20h30
```

select PC.MACB, NV.MANV, TEN

```
from NHANVIEN NV, PHANCONG PC, CHUYENBAY CB, LICHBAY LB
where (CB.SBDI = 'MIA' and CB.GIODI = '20:30' and LB.NGAYDI
='10/31/2000' and LB.MACB = LB.MACB and PC.NGAYDI = LB.NGAYDI and
PC.MACB = LB.MACB and PC.MANV = NV.MANV and LB.MACB = CB.MACB)
-- 13, Cho biết thông tin về chuyển bay mà phi công Quang đã lái(mã
chuyến bay, số hiệu, mã loại, hãng sản xuất, )
 select PC.MACB, SOHIEU, LMB.MALOAI, LMB.HANGSX
 from NHANVIEN NV, PHANCONG PC, LOAIMB LMB, LICHBAY LB, CHUYENBAY
СВ
 where NV.MANV = PC.MANV and NV.TEN = 'Quang' and LB.MACB = PC.MACB
and LB.MALOAI = LMB.MALOAI and LB.NGAYDI = PC.NGAYDI and LB.MACB =
CB.MACB
 -- 14, Cho biết những phi công chưa được phân công chuyến bay nào
 select TEN
 from NHANVIEN
where (MANV NOT IN (select PC.MANV FROM PHANCONG PC))
-- 15, Cho biết tên những khách hàng đã đi chuyến bay trên máy bay
của hãng BOEING
select DISTINCT TEN
FROM KHACHHANG KH, LOAIMB LMB, LICHBAY LB, DATCHO DC, CHUYENBAY CB
where (LMB.HANGSX = 'Boeing' and LB.MALOAI = LMB.MALOAI and DC.MAKH
= KH.MAKH and DC.MACB = LB.MACB and DC.NGAYDI = LB.NGAYDI and
CB.MACB = LB.MACB)
```

-- Cho biết mã các chuyến bay chỉ bay với số hiệu là 10 và mã loại b747 select DISTINCT MACB from LICHBAY LB where (LB.SOHIEU = 10 and LB.MALOAI = 'B747') TUẦN 4 -- Câu 17: với mỗi sân bay (SBDEN), cho biết số lượng chuyến bay hạ cánh xuống sân bay đó. Kêt quả được sắp xếp theo thứ tự tăng dần của -- số chuyến bay đến. select SBDEN, COUNT(*) AS SOLUONG FROM CHUYENBAY CB GROUP BY SBDEN ORDER BY SOLUONG ASC -- Câu 18: Với mỗi sân bay đi (SBDI), cho biết số lượng sân bay xuất phát từ sân bay đó , sắp xếp theo thứ tự tăng dần của chuyển bay xuất -- phát select SBDI, COUNT(*) AS SOLUONG FROM CHUYENBAY CB GROUP BY SBDI ORDER BY SOLUONG ASC -- Câu 19: Với mỗi sân bay (SBDI), cho biết số lượng chuyến bay xuất

phát theo từng ngày. Xuất ra mã sân bay, ngày và số lượng

```
select SBDI, NGAYDI, COUNT(*) AS SOLUONG
 FROM CHUYENBAY CB, LICHBAY LB
WHERE CB.MACB = LB.MACB
GROUP BY SBDI, NGAYDI
 -- Câu 20: Với mỗi sân bay đến (SBDEN), cho biết số lương chuyến bay
hạ cánh theo từng ngày. Xuất ra mã sân bay đến, ngày và số lượng.
select SBDEN, NGAYDI, COUNT(*) AS SOLUONG
FROM CHUYENBAY CB, LICHBAY LB
WHERE CB.MACB = LB.MACB
GROUP BY SBDEN, NGAYDI
-- Câu 21: Với mỗi lịch bay, cho biết mã chuyến bay, ngày đi, cùng
số lượng nhân viên không phải là phi công của chuyến bay đó
select LB.MACB, LB.NGAYDI, COUNT (PC.MANV) AS
SOLUONGNHANVIENKHONGTHAMGIA
FROM LICHBAY LB, PHANCONG PC, NHANVIEN NV
WHERE PC.NGAYDI = LB.NGAYDI AND PC.MACB = LB.MACB AND PC.MANV =
NV.MANV AND NV.LOAINV = 0
GROUP BY LB.MACB, LB.NGAYDI
 -- Câu 22: Số lượng chuyển bay xuất phát từ sân bay MIA vào ngày
11/01/2000
SELECT COUNT(*) SOLUONG
```

WHERE CB.SBDI = 'MIA' AND LB.NGAYDI = '11/01/2000' AND LB.MACB =

-- Câu 23; Với mỗi chuyến bay cho biết mã chuyến bay, ngày đi, số lượng nhân viên được phân công trên chuyến bay đó, sắp theo thứ tự

SELECT LB.MACB, LB.NGAYDI, COUNT(*) SOLUONGNHANVIENTHAMGIA

FROM LICHBAY LB, NHANVIEN NV, PHANCONG PC

FROM CHUYENBAY CB, LICHBAY LB

-- giảm dần số lượng

CB.MACB

WHERE PC.MACB = LB.MACB AND PC.NGAYDI = LB.NGAYDI AND PC.MANV = NV.MANV

GROUP BY LB.MACB, LB.NGAYDI

-- Câu 24: Với mỗi chuyến bay, cho biết mã chuyến bay, ngày đi, cùng với số lượng hành khách đã đặt chỗ của chuyến bay đó, sắp xếp theo thứ

-- tự giảm dần của số lượng

SELECT DC.MACB, DC.NGAYDI, COUNT(*) AS SOLUONGHANHKHACH

FROM LICHBAY LB, DATCHO DC, KHACHHANG KH

WHERE DC.MACB = LB.MACB AND DC.NGAYDI = LB.NGAYDI AND DC.MAKH = KH.MAKH

GROUP BY DC.MACB, DC.NGAYDI

ORDER BY SOLUONGHANHKHACH DESC

-- Câu 25: Với mỗi chuyến bay, cho biết mã chuyến bay, ngày đi, tổng lương của phi hành đoàn. sắp tăng dần tổng lương

SELECT PC.MACB, PC.NGAYDI, SUM(LUONG) AS TONGLUONG

FROM LICHBAY LB, NHANVIEN NV, PHANCONG PC

WHERE LB.NGAYDI = PC.NGAYDI AND LB.MACB = PC.MACB

GROUP BY PC.MACB, PC.NGAYDI

-- 26: Cho biết lương trung bình của các nhân viên không là phi công

SELECT AVG(LUONG) AS LUONGTRUNGBINHCUANHANVIEN

FROM NHANVIEN NV

WHERE NV.LOAINV = 0

-- 27: Cho biết mức lương trung bình của các phi công

SELECT AVG(LUONG) AS LUONGTRUNGBINHCUAPHICONG

FROM NHANVIEN NV

WHERE NV.LOAINV = 1

```
-- 28: Với mỗi loại máy bay, cho biết số lượng chuyến bay đã bay
trên loại máy bay đó hạ cánh xuống sân bay ORD/ Xuất mã loại máy bay
và
-- số lượng chuyến bay.
 SELECT LB.MALOAI, COUNT(*) SOLUONGCHUYENBAY
 FROM CHUYENBAY CB, LICHBAY LB
WHERE LB.MACB = CB.MACB AND CB.SBDEN = 'ORD'
GROUP BY LB.MALOAI
-- Câu 29: Cho biết sân bay(SBDI) và số lượng chuyến bay có nhiều
hơn 2 chuyển bay xuất phát trong khoảng 10h đến 22h
SELECT SBDI, COUNT(*) SOLUONG
FROM CHUYENBAY CB
WHERE GIODI BETWEEN '10:00' AND '22:00'
 GROUP BY SBDI
HAVING COUNT(*) > 2
-- Câu 30: Cho biết tên phi công đã được phân công vào ít nhất 2
chuyến bay trong cùng một ngày
SELECT NV.TEN
FROM PHANCONG PC, NHANVIEN NV
WHERE PC.MANV = NV.MANV AND NV.LOAINV = 1
GROUP BY NV.TEN
HAVING COUNT(*) > 2
-- Câu 31: Cho biết mã chuyến bay và ngày đi của những chuyến bay
có ít hơn 3 hành khách đặt chỗ
SELECT DC.MACB, DC.NGAYDI
FROM LICHBAY LB, DATCHO DC
WHERE LB.NGAYDI = DC.NGAYDI AND LB.MALOAI = DC.MACB
GROUP BY DC.NGAYDI, DC.MACB
```

```
HAVING COUNT (DC.MAKH) > 3
 -- Câu 32: Cho biết số hiệu máy bay và loại máy bay mà phi công có
mã 1001 được phân lái trên 2 lần
 SELECT SOHIEU, LB.MALOAI
FROM PHANCONG PC, LICHBAY LB
WHERE PC.MANV = '1001' AND PC.MACB = LB.MACB AND PC.NGAYDI =
LB.NGAYDI
 GROUP BY LB.SOHIEU, LB.MALOAI
HAVING COUNT(*) >2
 -- Câu 33: Với mỗi hãng sản xuất, cho biết số lượng loại máy bay mà
hãng đó sản xuất. Xuất ra hãng sản xuất và số lượng.
 SELECT HANGSX, COUNT(LMB.MALOAI) AS SOLUONGMAYBAY
 FROM LOAIMB LMB, MAYBAY MB
 WHERE LMB.MALOAI = MB.MALOAI
 GROUP BY HANGSX
 -- Câu 34: Cho biết hãng sản xuất, mã loại và số hiệu của máy bay
được sử dụng nhiều nhất
 SELECT HANGSX, LMB.MALOAI, LB.SOHIEU
 FROM LOAIMB LMB, LICHBAY LB
 WHERE LMB.MALOAI = LB.MALOAI
 GROUP BY HANGSX, LMB.MALOAI, LB.SOHIEU
 HAVING COUNT (LB.SOHIEU) >= ALL (SELECT COUNT (*)
          FROM LICHBAY LB2
          GROUP BY LB2.MALOAI, LB2.SOHIEU
 -- Câu 35: Cho biết tên nhân viên được phân công đi nhiều chuyến
bay nhất
```

SELECT NV.TEN

```
FROM NHANVIEN NV, PHANCONG PC
WHERE NV.MANV = PC.MANV AND NV.LOAINV = 0
GROUP BY NV.TEN
HAVING COUNT(NV.MANV) >= ALL (SELECT COUNT(*)
       FROM PHANCONG PC, NHANVIEN NV
       WHERE NV.MANV = PC.MANV AND NV.LOAINV = 0
       GROUP BY PC.MANV)
-- Câu 36: Cho biết thông tin của phi công (Tên, địa chỉ, điện
thoại) lái nhiều chuyến bay nhất
SELECT NV.TEN, NV.DCHI, NV.DTHOAI
 FROM NHANVIEN NV, PHANCONG PC
WHERE PC.MANV = NV.MANV AND NV.LOAINV = 1
 GROUP BY NV.TEN, NV.DCHI, NV.DTHOAI
HAVING COUNT(*) >= ALL (SELECT COUNT(*)
        FROM PHANCONG PC, NHANVIEN NV
       WHERE PC.MANV = NV.MANV AND NV.LOAINV = 1
       GROUP BY PC.MANV)
 -- Câu 37: Cho biết sân bay(SBDEN) và số lượng chuyến bay của sân
bay có ít chuyến bay đáp xuống nhất
SELECT SBDEN, COUNT(*) SOLUONGCHUYENBAYDAP
 FROM CHUYENBAY CB
 GROUP BY CB.SBDEN
HAVING COUNT(*) <= ALL (SELECT COUNT(*)
       FROM CHUYENBAY CB
       GROUP BY CB.SBDEN)
-- Câu 38: Cho biết sân bay(SBDI) và số lượng chuyến bay của sân
```

bay có nhiều chuyến bay xuất phát nhất

```
SELECT SBDI, COUNT(*) SOLUONGCHUYENBAYCATCANH
 FROM CHUYENBAY CB
GROUP BY CB.SBDI
HAVING COUNT(*) >= ALL (SELECT COUNT(*)
      FROM CHUYENBAY CB
       GROUP BY CB.SBDI)
-- Câu 39: Cho biết tên, địa chỉ, điện thoại của khách hàng đã đi
trên nhiều chuyến bay nhất
SELECT TEN, DCHI, DTHOAI
FROM KHACHHANG KH, DATCHO DC
WHERE KH.MAKH = DC.MAKH
GROUP BY DC.MAKH
HAVING COUNT(*) >= ALL (SELECT COUNT(*)
      FROM DATCHO DC
       GROUP BY DC.MAKH)
-- Câu 40: Cho biết mã số, tên, lương của các phi công có khả năng
lái nhiều máy bay nhất
SELECT KN.MANV, TEN, LUONG
FROM NHANVIEN NV, KHANANG KN
WHERE NV.MANV = KN.MANV
GROUP BY KN.MANV
HAVING COUNT(*) >= ALL (SELECT COUNT(*)
       FROM KHANANG KN
      GROUP BY KN.MANV)
```

-- Câu 41: Cho biết thông tin của nhân viên (mã, tên, lương) của

nhân viên có lương cao nhất

```
SELECT MANV, TEN, LUONG
 FROM NHANVIEN
 WHERE LUONG = (SELECT MAX(LUONG)
     FROM NHANVIEN)
 -- Câu 42: Cho biết tên, địa chỉ, của các nhân viên LƯƠNG cao nhất
trong phi hành đoàn (các nhân viên được phân công trong 1 chuyến bay
mà
 -- người đó tham gia
 SELECT TEN, DCHI
 FROM NHANVIEN NV
 WHERE EXISTS ( SELECT *
     FROM PHANCONG PC, NHANVIEN NV1
    WHERE NV1.MANV = PC.MANV
     GROUP BY MACB, NGAYDI
     HAVING NV.LUONG IN (SELECT MAX (NV1.LUONG)
             FROM PHANCONG PC, NHANVIEN NV1
          WHERE NV1.MANV = PC.MANV
          GROUP BY MACB, NGAYDI
 -- Câu 43: Cho biết mã chuyến bay, giờ đi, giờ đến của chuyến bay
sớm nhất trong ngày
 SELECT CB.MACB, LB.NGAYDI, CB.GIODI, CB.GIODEN
 FROM LICHBAY LB, CHUYENBAY CB
 WHERE LB.MACB = CB.MACB AND EXISTS (
```

```
SELECT*
          FROM LICHBAY LB1, CHUYENBAY CB1
          WHERE LB1.MACB = CB1.MACB AND LB.NGAYDI = LB1.NGAYDI
          GROUP BY LB1.NGAYDI
          HAVING CB.GIODI = MIN(CB1.GIODI)
 -- Câu 44: Cho biết mã chuyển bay có thời gian bay dài nhất. Xuất
ma ra mã chuyến bay và thời gian bay(tính bằng phút)
 SELECT CB.MACB, DATEDIFF (MI, CB.GIODI, CB.GIODEN)
 FROM CHUYENBAY CB
WHERE DATEDIFF (MI, CB.GIODI, CB.GIODEN) >= ALL (SELECT DATEDIFF (MI,
CB.GIODI, CB.GIODEN)
            FROM CHUYENBAY CB)
-- Câu 45: Cho biết mã chuyến bay có thời gian bay ít nhất. Xuất ra
mã chuyến bay và thời gian bay
SELECT CB.MACB, DATEDIFF (MI, CB.GIODI, CB.GIODEN)
 FROM CHUYENBAY CB
WHERE DATEDIFF (MI, CB.GIODI, CB.GIODEN) <= ALL (SELECT DATEDIFF (MI,
CB.GIODI, CB.GIODEN)
            FROM CHUYENBAY CB)
-- Câu 46: Cho biết mã chuyến bay, ngày đi của của những chuyến bay
trên loại máy bay B747 nhiều nhất
SELECT MACB, NGAYDI
```

FROM LICHBAY LB

```
WHERE EXISTS (
  SELECT *
  FROM LICHBAY LB1
  WHERE LB1.MALOAI = 'B747' AND LB1.MACB = LB.MACB
  GROUP BY MACB
  HAVING COUNT(LB1.NGAYDI) >= ALL (SELECT COUNT(LB2.NGAYDI)
         FROM LICHBAY LB2
         WHERE LB2.MALOAI = 'B747'
        GROUP BY MACB
-- Câu 47: Với mỗi chuyến bay có trên 3 hành khách, cho biết mã
chuyến bay và số lượng nhân viên trên chuyến bay đó. Xuất ra mã
chuyến bay
-- số lương nhân viên
SELECT LB.MACB, COUNT (DISTINCT PC.MANV) SOLUONGNHANVIEN
 FROM DATCHO DC, PHANCONG PC, LICHBAY LB
WHERE DC.MACB = LB.MACB AND DC.NGAYDI = LB.NGAYDI AND PC.NGAYDI =
LB.NGAYDI AND PC.MACB = LB.MACB
GROUP BY LB.MACB, LB.NGAYDI
HAVING COUNT (DISTINCT DC.MAKH) > 2
-- 48: Với mỗi loại nhân viên có tổng lương trên 600000, cho biết
số lượng nhân viên trong từng loại nhân viên đó. xuất loại nhân
viên,
-- số lượng nhân viên tương ứng
SELECT LOAINV, COUNT (MANV)
FROM NHANVIEN NV
```

```
GROUP BY LOAINV
HAVING SUM(NV.LUONG) > 600000
-- Câu 49: Với mỗi chuyến bay có trên 3 nhân viên, cho biết mã
chuyến bay, và số lượng khách hàng đã đặt chỗ trên chuyến bay đó.
SELECT LB.MACB, COUNT (DISTINCT DC.MAKH) SOLUONGKHACH
 FROM DATCHO DC, PHANCONG PC, LICHBAY LB
 WHERE DC.MACB = LB.MACB AND DC.NGAYDI = LB.NGAYDI AND PC.NGAYDI =
LB.NGAYDI AND PC.MACB = LB.MACB
GROUP BY LB.MACB, LB.NGAYDI
HAVING COUNT (DISTINCT PC.MANV) > 1
-- Câu 50: Với mỗi loại máy bay có nhiều hơn 1 chiếc, cho biết số
lượng chuyến bay đã được bố trí bay bằng loại máy bay đó, xuất ra mã
loạivà
-- số lượng
 SELECT LB.MALOAI, COUNT(*) SOLUONGCHUYENBAY
 FROM LICHBAY LB
 WHERE LB.MALOAI IN (SELECT MALOAI
      FROM MAYBAY MB
      GROUP BY MALOAI
      HAVING COUNT (*) > 1
 GROUP BY LB.MALOAI
```